

THIỆT CHẾ BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC THỜI LÝ (1010-1225)

TRẦN THỊ VINH*

Nhà nước quân chủ dân tộc Việt Nam bắt đầu được xác lập từ thế kỷ X - sau chiến thắng Bạch Đằng lịch sử năm 938. Trải qua các triều Ngô - Đinh - Tiền Lê, nhà nước quân chủ dân tộc đã dần dần được kiện toàn, nhưng vừa ra đời sau đêm trường phụ thuộc, nhà nước thời kỳ này hãy còn non trẻ, chưa hoàn thiện về mặt thiết chế, phải đợi đến những thế kỷ sau, bắt đầu từ thời Lý trở đi mới có điều kiện phát triển và hoàn thiện hơn với những thể chế của nó.

Lúc lên ngôi vua tại Kinh thành Hoa Lư, tiếp quản cơ đồ của nhà Tiền Lê, trong buổi ban đầu vua Lý Thái Tổ vẫn giữ nguyên cơ cấu bộ máy chính quyền nhà nước cũ. Sau khi chuyển triều đình từ Hoa Lư ra Thăng Long, các vua nhà Lý mới dần dần củng cố và xây dựng bộ máy chính quyền nhà nước mới cho phù hợp với chính thể đương thời.

1. Tổ chức chính quyền ở Trung ương

Nhà nước quân chủ thời Lý mà Lý Thái Tổ là người đầu tiên xây dựng, đặt nền tảng cho sự phát triển về sau là một nhà nước quân chủ tập trung quan liêu với hệ thống chính quyền thống nhất từ trung ương tới địa phương được tập trung quyền hành vào trong tay triều đình, đứng đầu là vua.

Bắt đầu từ thời Lý, tổ chức chính quyền ở cấp Trung ương (hay còn gọi là các cơ quan thuộc nền hành chính trung ương) đã được kiện toàn và hoàn thiện hơn so với tổ chức chính quyền trung ương của thời Đinh và Tiền Lê trước đó, gồm ba bộ phận chủ yếu là: *Những văn thư phòng giúp việc bên cạnh vua, Các cơ quan đầu não tại triều đình và Các cơ quan chuyên môn.*

- *Những văn thư phòng giúp việc bên cạnh vua*, vào thời Lý đặt chưa đầy đủ như ở thời Trần và thời Lê sơ sau đó. Từ thời Trần và đặc biệt là thời Lê sơ về sau, những văn thư phòng giúp việc cho vua bao gồm đủ cả ba bộ phận, đó là: các *Sảnh* (hay còn gọi là các *Tĩnh* như Thượng thư tỉnh, Trung thư tỉnh, Môn hạ tỉnh, Hoàng môn tỉnh và Nội thị tỉnh); *Hàn lâm viện* và *Bí thư giám*. Nhưng dưới thời Lý, Bí thư giám chưa được đặt nên chỉ mới có hai văn phòng bên cạnh vua và giúp việc cho vua là *Sảnh* và *Hàn lâm viện*.

Sảnh (Thượng thư sảnh, Trung thư sảnh) không rõ được đặt ra như thế nào và vào lúc nào ở thời Lý, theo sách *Lịch triều hiến chương loại chí* cho biết thì "đến đời vua Lý Thần Tông (1128-1138) có đặt chức Viên ngoại lang ở Thượng thư sảnh, dự bàn chính sự, danh vị cũng trọng. Quan trong,

*PGS.TS. Viện Sử học

quan ngoài thường gia thêm chức ấy, như Nội thị là Lý Công Tín, Hàn Quốc Bảo đều gia chức Viên ngoại lang” (1). Sách *Đại việt sử ký toàn thư* cũng ghi, vào tháng Giêng, năm Mậu Thân (1128), sau khi Lý Thần Tông lên ngôi đã phong Đào Thuấn làm *Trung thư sảnh* viên ngoại lang hành tỵ thượng cấp môn sứ, Lý Bảo Thần làm *Thượng thư sảnh* viên ngoại lang hành đông thượng cấp môn sứ và một loạt người như Phạm Thường, Đỗ Lục, Khổng Nguyên, Phạm Bảo, Kim Cát, Lý Khái, Đào Lão, Nguyễn Hoàn làm Viên ngoại lang *Thượng thư sảnh* (2). Như vậy, là vào thời Lý đã có cơ quan là Sảnh nên mới có việc đặt các chức quan của Thượng thư sảnh và Trung thư sảnh như vậy.

Hàn lâm viện được lập ra đầu tiên ở nước ta bắt đầu từ thời Lý, dưới triều vua Lý Nhân Tông (1072-1127) và đứng đầu Hàn lâm viện là chức quan *Hàn lâm học sĩ*. Sách *Đại việt sử ký toàn thư* ghi, vào mùa thu, tháng 8, năm Bính Dần (1086), triều đình đã tổ chức thi những người có văn học trong nước, sung vào làm quan ở Hàn lâm viện. Mạc Hiến Tích trúng tuyển, được bổ vào làm Hàn lâm học sĩ (3). Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng ghi, “đời Lý đã đặt Hàn lâm viện và đặt chức Học sĩ (trong đời Nhân Tông Mạc Hiến Tích làm Hàn Lâm học sĩ)” (4). Hàn lâm viện có nhiệm vụ trông coi việc soạn thảo những chế, cáo và chiếu chỉ của vua. Chức Hàn lâm học sĩ, đến các thời Trần và Lê Sơ còn gọi là Hàn lâm phụng chỉ và Hàn lâm học sĩ phụng chỉ, là chức vụ rất trọng, thường dùng Thái sư, Mật viện kiêm nhiệm. Công việc của quan Hàn lâm phụng chỉ là soạn đặt từ chiếu thay vua (5).

- Các cơ quan đầu não tại triều đình

Cùng với việc đặt các cơ quan đầu não tại triều đình, nhà Lý đã đặt ra những chức

quan đứng đầu triều. Những chức quan đứng đầu triều đều là những quan lại được vua uỷ nhiệm trực tiếp điều khiển toàn bộ nền cai trị trong nước. Đó là *Tể tướng* và *Á tướng*.

Chức vụ *Tể tướng* từ thời Đinh trở về trước gọi là gì không rõ, đến thời Tiền Lê, Lê Đại Hành mới đặt ra chức Tổng quản coi việc quân dân, tóm giữ việc nước, tức là công việc của *Tể tướng* (6). Bắt đầu từ thời Lý, khi mới dựng nước, vua Lý Thái Tổ đã cho Trần Cảo làm tướng công (7) tức giữ chức *Tể tướng* (8). Đến đời vua Lý Thái Tông “dùng chức Phụ quốc Thái úy giữ chính sự, chức nhiệm cầm cân, tức là *Tể tướng*”. Tiếp đến đời Lý Nhân Tông lại thêm vào mấy chữ “Kiểm hiệu bình chương quân quốc trọng sự”, xem ra chức vụ càng trọng. Có người làm chức vụ này lại mang danh chức trong hàng Tam thái (Thái sư, Thái phó, Thái bảo) và Tam thiếu (Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo). Vào thời Lý đã có những người từng giữ chức vụ *Tể tướng* với nhiều danh vọng như: Lý Thường Kiệt làm Thái phó phụ quốc thượng tướng quân (9) dưới triều vua Lý Thánh Tông; Lý Đạo Thành làm Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự (10) dưới triều vua Lý Nhân Tông; Tô Hiến Thành giữ chức Nhập nội kiểm hiệu Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự (11) dưới triều vua Lý Anh Tông và sau đó có Thái sư Đỗ An Di cũng kiêm chức Đồng bình chương sự (12) ở triều Lý Anh Tông...

Á tướng là chức vụ của viên quan đứng sau *Tể tướng* và đứng ở vị trí thứ hai tại triều đình. Vào thời Lý, chức *Á tướng* là *Tả, Hữu tham tri chính sự*. *Á tướng* có nhiệm vụ giúp *Tể tướng* điều khiển mọi việc trong nước, còn gọi là Phó tướng. Vào thời kỳ này, nhà Lý còn cho đặt thêm chức *Hành khiển* cũng là chức đứng sau *Tể tướng* và chuyên

lấy trung quan (hoạn quan) để đảm đương chức vụ ấy, rồi gia thêm danh hiệu là “*Nhập nội hành khiển Đồng trung thư môn hạ bình chương sự*” (13). Theo ghi chép trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí* thì chức hàm này “*rất trọng vì đó là chức quan giữ then chốt về chính sự*” (14).

Dưới Tể tướng và Á tướng - hai chức quan đứng đầu và đứng thứ hai trong triều, là các cơ quan chính yếu như: *Khu mật viện* và các *Bộ*.

Khu mật viện được lập ra từ thời Lý. Đứng đầu *Khu mật viện* là hai chức quan *Tả sử* và *Hữu sử* (15) trông coi việc binh. Làm việc trong *Khu mật viện* đều là những quan thân cận nhà vua và chỉ bàn tới các việc cơ mật trong triều. Dưới triều vua Lý Thái Tổ có Ngô Đình được làm *Khu mật sứ* (16). Sang thời Lý Thái Tông thì có Lý Đạo Kỳ làm *Tả khu mật* và Xung Tân làm *Hữu khu mật* (17). Những người này đều là công thân thân cận được vua Lý Thái Tổ và Lý Thái Tông ban chức tước ngay từ sau khi nhà vua lên ngôi.

Các *Bộ*, vào thời Lý, nói chung chưa thấy có sự phân định rõ ràng. Tuy vậy, ở thời kỳ này, chức *Thượng thư* đứng đầu bộ đã bắt đầu được đặt, ví dụ dưới triều vua Lý Nhân Tông, Mạc Hiến Tích và Đoàn Văn Khâm, Nguyễn Công Bật... đều được giữ chức *Thượng thư*. Phan Huy Chú viết trong *Lịch triều hiến chương loại chí* rằng: “Chức *Thượng thư* đặt ra bắt đầu từ thời Lý, nhưng tên các bộ chia đặt thế nào chưa rõ” (18). Chức *Thị lang* cũng đã được đặt ở thời kỳ này. Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* ghi, năm 1118 “đặt chức bộ *Thị lang*” (19). Biên niên sử thì chưa ghi đầy đủ tên các *Bộ* của thời Lý mà chỉ thấy nhắc đến tên của hai *Bộ*, là *Bộ Lễ* và *Bộ Hộ* qua hai sự kiện ghi vào năm Mậu Tuất (1118), *Tả thị lang Bộ Hộ* là Lý Tú Uyên

chết (20) và năm Giáp Thìn (1124), *Nội thường thị* là Lê Bá Ngọc làm *Thị lang Bộ Lễ* (21). Điều này cũng được Phan Huy Chú nhấn mạnh là “*Đời Lý buổi đầu đặt quan, đã có những chức Trung thư thị lang, Bộ thị lang, nhưng các bộ không đặt đủ*” (22). Có lẽ do sự ghi chép không đầy đủ trong chính sử nên sự hiểu biết về các *Bộ* của thời Lý từ trước tới nay vẫn chưa được đầy đủ. Nhưng theo nguồn tài liệu văn bia của thời Lý đã được dịch và công bố trong tập *Thơ văn Lý - Trần*, xuất bản năm 1977, thì vào thời Lý đã có đầy đủ các bộ, nhất là từ triều vua thứ tư của nhà Lý là Lý Nhân Tông (1072-1127) trở đi. Theo lời chú cuối cùng của *Bia tháp Sùng Thiện Diên Linh* ở chùa núi Long Đọi (thuộc xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam) dựng vào ngày 6 tháng 7, niên hiệu Thiên Phù Duệ vũ thứ hai (1121) cho biết, người được vâng sắc chỉ của vua Lý Nhân Tông để soạn bài văn của bia này là *Nguyễn Công Bật*, đang giữ chức *Triều liệt, Hình bộ Thượng thư, Binh Bộ Viên ngoại lang* đồng tri phiên công viện chư sự và người viết chữ bài văn bia là *Lý Bảo Cung*, đang giữ chức *Hữu thị lang, Thượng thư, Công Bộ Viên ngoại lang* đồng tri thẩm hình viện sự, thượng kinh xa đô úy, tử kim ngư (23). Dưới triều vua Lý Nhân Tông còn có Trần Văn Khâm cũng từng giữ chức *Thượng thư Bộ Công* (24), Phùng Giáng Tường giữ chức *Thượng thư Bộ Binh* (25). Hoặc Từ Anh Nhĩ từng giữ chức *Thượng thư Bộ Lại* dưới triều vua Lý Cao Tông (1176-1210) (26). Trong *Văn bia về Thái úy Lý công* (27) nước *Đại Việt* (Cự Việt quốc Thái úy Lý công thạch bi minh tự) khi nói về công trạng của Thái úy có đoạn ghi: “*Năm Đinh Mùi đời vua Thần Tông (1127), Thái úy được truyền vào châu ở nơi nội cấm, chức vị bao trùm cả sáu bộ thượng thư*” (28). Như vậy theo ghi chép trong chính sử cộng với những ghi chép trong

văn bia Lý-Trần thì vào thời Lý đã có đủ sáu Bộ, đó là các bộ: *Hộ, Lễ, Lại, Binh, Hình và Công*.

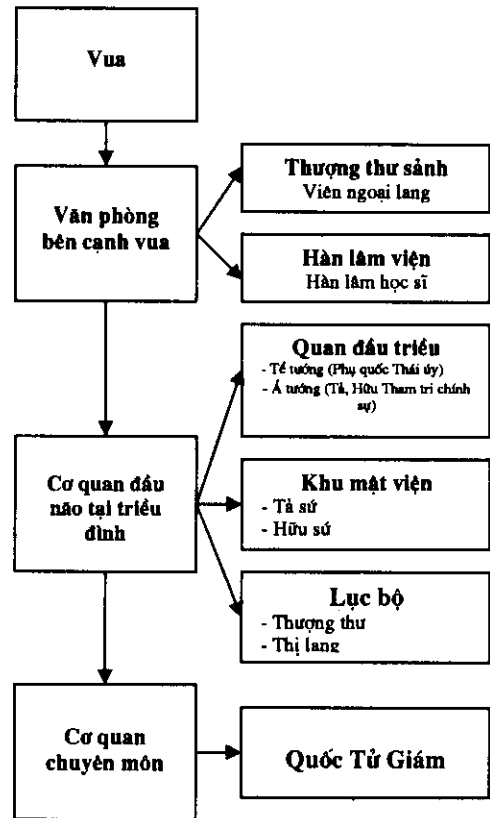
- Các cơ quan chuyên môn

Để giúp việc cho các cơ quan đầu não tại triều đình, các vua nhà Lý cũng như các vua nhà Trần và nhà Lê sau đó đều đặt ra các cơ quan chuyên môn, gồm: *Quốc sử viện, Thái chúc viện, Quốc tử giám, Các cơ quan coi về hình án* (Đình úy ty, Ngũ hình viện), *Ngự tiền tam cuộc* (Cận thị, Chi hậu và Học sĩ - trông coi về việc binh của nhà vua)... Nhưng vào thời Lý chưa đặt đầy đủ các cơ quan chuyên môn này. Cơ quan chuyên môn đầu tiên được đặt vào thời Lý là *Quốc Tử giám*. Quốc Tử giám là cơ quan có nhiệm vụ trông coi về việc giáo dục trong nước.

Quốc Tử giám được lập bắt đầu từ thời Lý, vào năm 1076, dưới triều vua Lý Thánh Tông, nhưng tên các chức quan của cơ quan này chưa rõ như thế nào. Sang thời Trần mới thấy sử ghi về việc đặt chức *Tư nghiệp Quốc tử giám* (Chu Văn An làm chức này), thời Lê Sơ đặt rất nhiều tên như các chức *Tể tửu, Trực giảng, Bác sĩ, Giáo thụ, Ngũ kinh bác sĩ*... Sách *Đại việt sử ký toàn thư* ghi về việc lập Văn miếu Quốc tử giám vào thời Lý như sau: vào “mùa thu, tháng 8, làm Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối (29), vẽ Thất thập nhị hiền (30) bốn mùa cúng tế. Hoàng Thái tử đến học ở đây” (31).

Nhìn vào sơ đồ tổ chức bộ máy chính quyền Trung ương ở thời Lý dễ nhận thấy, vào thời kỳ này so với những thời kỳ sau đó, bộ máy chính quyền Trung ương của thời Lý tuy chưa được hoàn thiện và chưa đặt đầy đủ các cơ quan, song bước đầu đã có sự kiện toàn đáng kể so với những thời kỳ trước. Đó là những cố gắng rất lớn của nhà Lý trong buổi đầu dựng nghiệp.

Sơ đồ 1. Tổ chức chính quyền Trung ương thời Lý



2. Tổ chức chính quyền ở địa phương

Ngay trong năm 1010, khi đã ổn định một số công việc lớn mang tầm quốc gia như dời chuyển kinh đô, kiến lập kinh thành, kiện toàn bộ máy bộ máy chính quyền ở cấp Trung ương, vua Lý Thái Tổ cũng đã tiến hành xây dựng bộ máy chính quyền các cấp cơ sở, làm nền tảng vững chắc cho toàn bộ hệ thống chính quyền nhà nước.

Công việc đầu tiên mà nhà vua tiến hành là cho chia lại các khu vực hành chính trong nước. Đơn vị hành chính đứng đầu cấp chính quyền địa phương thời Lý gọi là *phủ, lộ*. Ngay từ khi vừa dời đô ra Thăng Long, vua Lý Thái Tổ đã cho đổi *châu Cổ*

pháp, quê hương của nhà Lý làm *phủ* Thiên Đức, đổi vùng Kinh thành Hoa Lư cũ của nhà Đinh - Tiền Lê thành *phủ* Trường Yên (32). Đến cuối năm đó (tháng 12 năm 1010), nhà vua bắt đầu cho đổi 10 *Đạo* có từ thời Đinh và Tiền Lê làm 24 *Lộ*. Vùng núi thì gọi là *châu* hay *trại*. Một số nơi ở xa kinh đô cũng gọi là trại, như việc cho đổi châu Hoan, châu Ái làm *trại* (33). Năm 1014, lại cho đổi *phủ* Ứng Thiên (Ứng Hòa - Hà Tây ngày nay) thành *Nam Kinh* (34). Năm 1023, đổi *trấn* Triệu Dương (thuộc Quảng Ninh ngày nay) thành *châu* Vĩnh An (35). Năm 1036, đổi *châu* Hoan thành Nghệ An châu *trại* (36). Sau lại đổi *châu* Ái thành *phủ* Thanh Hóa.

Như vậy, ta có thể hình dung được toàn bộ cấp chính quyền địa phương của thời Lý theo một hệ thống từ trên xuống dưới như sau:

Trên là cấp *phủ*, *lộ* (ở đồng bằng) và *châu* hay *trại* (ở vùng xa kinh đô hoặc miền núi). Dưới *phủ*, *lộ*, *châu* là cấp *huyện* (hoặc *hương*), *giáp* và cuối cùng là *thôn*. Ở Kinh đô thì nhà Lý đặt ra thành các *phường*, gồm 61 phường (như phường Thái Hòa, phường Cơ Xá, phường Yên Thái...).

Các đơn vị hành chính vào thời kỳ này, cụ thể ra sao không thấy tài liệu ghi chép đầy đủ. Căn cứ vào một số sách địa chí viết vào những thế kỷ sau như *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi (thế kỷ XV) và *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn (thế kỷ XIX) chúng ta có thể hình dung được một cách tương đối về vị trí của một số *phủ*, *lộ*, *châu* ở thời kỳ này. Ví dụ: *Lộ* Hải Thanh, *lộ* Trường Yên, *phủ* Ly Nhân lúc bấy giờ, nay thuộc vào đất của các tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình. *Lộ* Ứng Thiên là vùng Kinh đô Thăng Long và một phần đất phía nam Hà Nội và một phần đất

của tỉnh Hà Tây ngày nay. *Lộ* Bắc Giang là thuộc đất tỉnh Bắc Giang bây giờ. *Phủ* Thanh Hóa thuộc đất tỉnh Thanh Hóa ngày nay. *Châu* (hay *trại*) *Nghệ An* thì tương ứng với vùng đất tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh bây giờ.

Nhưng nhìn chung cách gọi *phủ*, *lộ*, *châu* hay *trại* ở thời kỳ này vẫn chưa được nhất quán. Có thể do phương thức quản lý khác nhau của từng vùng đất mà nhà Lý đặt ra tên gọi khác nhau. Như những vùng đồng bằng phía bắc thì gọi thống nhất là *phủ* và *lộ*. Còn những miền xa kinh đô như Thanh Hóa, Nghệ An thì gọi là *châu*, có lúc đổi là *trại*, rồi lại đổi thành *châu*, thành *phủ*... Lại có những nơi ở vùng núi xa thì không gọi là *châu* mà gọi là *đạo*. Ví dụ vùng Tây Bắc (dọc theo sông Đà) lúc bấy giờ lại không gọi là *châu* mà gọi là *đạo* Lâm Tây...

Mỗi *phủ* (*lộ*, *châu*) được chia ra làm nhiều *huyện*. Đứng đầu đơn vị hành chính cấp huyện là viên *Huyện lệnh*. Tên đơn vị hành chính cấp huyện ở thời Lý không được ghi trong chính sử mà chỉ thấy ghi trong tài liệu văn bia. Theo văn bia chùa *Sùng Nghiêm Diên Thánh* dựng tại chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh (Thanh Hóa) vào ngày 19 tháng 10 năm Mậu Tuất (1118) cho biết, Chu Công là người được triều đình cử coi giữ trấn Thanh Hóa sau khi Lý Thường Kiệt về triều giữ chức Tể tướng lần hai, vào năm Ất Mùi, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 6 (1115), Chu Công đã “kính vâng chiếu chỉ, tới giữ quận phủ, quyền thống lĩnh các việc quân châu của *năm huyện* và ba nguồn thuộc trấn Thanh Hóa” (37). Khi Chu Công cho dựng chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, ông đã sai một viên huyện lệnh trông coi việc này. Văn bia vẫn còn ghi rằng: “Đương khi dân chúng nghỉ ngơi, cấy cày rảnh việc. Ông bèn sai *huyện lệnh* Lê Chiếu trông coi việc dựng chùa”

(38). Như vậy, theo nguồn tài liệu này thì vào thời Lý đã có đơn vị hành chính cấp huyện và người đứng đầu cấp huyện là Huyện lệnh. Còn đơn vị cấp huyện rộng hẹp ra sao thì tài liệu không cho biết chính xác. Ngoài tài liệu văn bia, trong *Việt điện u linh*, Lý Tế Xuyên cũng nhắc tới tên huyện vào thời Lý, qua sự kiện Uy Minh vương Lý Nhật Quang khi giữ chức Tri châu châu Nghệ An, ông đã cho nhân dân khai phá đất đai mở mang được 6 huyện... (39).

Ở kinh đô tương đương với cấp này thì gọi là *Phường*, ở miền núi lại gọi là *sách* hay *động*.

Cấp *hương* dưới thời Lý cụ thể thế nào cũng không thấy sử sách nói rõ, nhưng sử cũ lại nhắc tới tên hương, qua nhiều sự kiện khác nhau. Như những sự kiện sau đây:

- Năm 1010, vua Lý Thái Tổ đã hạ lệnh cho các *hương ấp*, nơi nào có chùa quán đồ nát đều phải sửa chữa lại (40).

- Năm 1027, trong vụ dẹp loạn ba vương giữ ngôi báu cho vua Lý Thái Tông, Lê Phụng Hiểu, một trong những công thần được sử nhắc đến là người *hương* Băng Sơn ở Ái Châu (nay thuộc huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa). Sau ông còn được nhà vua ban cho lộc điền gọi là ruộng ném đao ở *hương* Đa Mi (41).

- Năm 1068, vua Lý cho đổi *hương* Thổ Lỗi thành *hương* Siêu loại vì là nơi sinh của Nguyên phi (42).

- Năm 1128, người Chân Lạp vào cướp *hương* Đỗ Gia ở châu Nghệ An (43).

- Năm 1131, người ở *hương* Thái Bình là Nguyễn Mãi dâng hương trắng (44).

- Đến năm 1198, vào cuối thời Lý biên niên sử vẫn còn ghi tên *hương*, như “người

hương Cao Xá ở châu Diễn là Ngô Công Lý chiêu tập những kẻ vô lại... làm loạn” (45). Hoặc sách *Việt sử lược* khi viết về thời Lý cũng nhắc nhiều đến tên hương, như “trong *hương* vua ở, có cây gạo bị sét đánh...” (46), “con chó ở chùa ứng Thiên *hương* Cổ Pháp đẻ một con chó trắng...” (47).

Đơn vị hành chính cấp *hương*, được đặt ở nước ta từ thời thuộc Đường (năm 662), dưới thời Thứ sử Khâu Hòa. Lúc này hương được chia làm đại hương và tiểu hương. Trong khoảng đời Trinh Nguyên (785-805), viên đô hộ Triệu Xương bỏ tên đại, tiểu hương chỉ gọi chung là hương. Đến thời Hàm Thông (860-874), Cao Biền chia đặt lại hương thuộc, có tất cả 159 hương (48).

Khi chính quyền về tay họ Khúc, Khúc Hạo lại cho đổi hương thành giáp. Sách *An Nam chí nguyên* ghi: “Giữa niên hiệu Khai Bình (907-910) nhà Lương, Tiết độ sứ Khúc Hạo lại đổi hương làm giáp, đặt thêm 150 giáp, cộng với số giáp đã có từ trước tất cả là 314 giáp” (49).

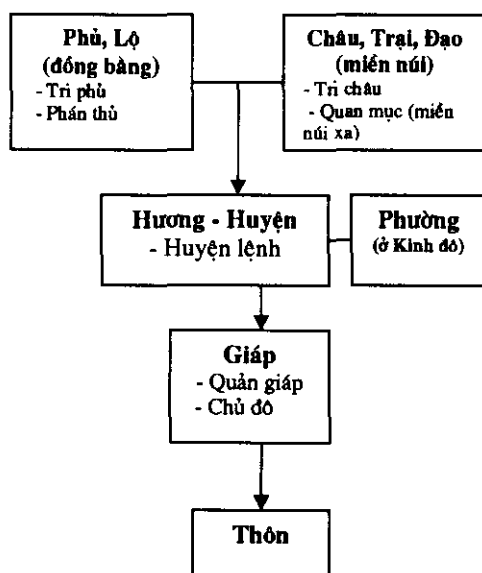
Qua các triều Ngô - Đinh và Tiền Lê không thấy biên niên sử nhắc đến tên hương, nhưng có lẽ đơn vị hương đã phải có từ trước khi triều Lý thành lập, vì ngay từ đầu triều Lý đã thấy sử ghi tên hương và trong suốt thời Lý cho đến cuối triều Lý vẫn thấy biên niên sử ghi rất nhiều về đơn vị hành chính cấp hương. Vậy, hương phải là một đơn vị hành chính cấp cơ sở vì nó được tồn tại khá phổ biến dưới thời Lý. Hương lúc này qui mô chắc cũng lớn, có lẽ phải lớn hơn tổng và tương đương với huyện sau này. Vì năm 1068, vua Lý cho đổi hương Thổ Lỗi - nơi sinh của Nguyên phi Ý Lan thành hương Siêu loại, thì sau này hương Siêu Loại lại được đổi làm huyện Siêu Loại. Huyện Siêu Loại còn tồn tại cho đến thế kỷ XIX, huyện này có tới 6

tổng và 68 xã thôn (50). Như vậy, hương vào thời Lý có thể tương đương với cấp huyện hoặc có nơi gọi hương là huyện và có nơi lại gọi huyện là hương do chưa có sự nhất quán về tên gọi các đơn vị hành chính của thời kỳ này như vừa nhắc ở trên.

Về tên gọi hương hay đơn vị hành chính cấp hương ở thời Lý có phải đồng nghĩa với đơn vị giáp hay không, hiện cũng chưa xác định được vì chưa có tư liệu để chứng minh. Mặc dù từ đầu thế kỷ X, Khúc Hạo đã cho đổi hương thành giáp, nhưng đến thời Lý hai đơn vị hành chính này vẫn hiện tồn, vừa có hương lại vừa có giáp. Như vậy, tên gọi hương lúc này không đồng nghĩa với tên gọi giáp. Do đó, hương và giáp phải là hai đơn vị riêng biệt, chứ không phải là một như ở thời kỳ trước. Tuy nhiên, hai cấp hành chính này cụ thể ra sao thì chưa khảo được vì còn thiếu tư liệu.

Giáp ở thời Lý cụ thể như thế nào cũng không thấy sử sách ghi chép đầy đủ nhưng chắc chắn vào thời kỳ này, đơn vị giáp hẳn còn tồn tại vì vào thời Khúc - Ngô - Đinh - Tiền Lê, giáp là đơn vị hành chính khá phổ biến. Các chức *Quản giáp* và *Phó quản giáp* đã được đặt ra để trông nom công việc của giáp. Đến thời Lý, vẫn còn thấy sử nhắc tới tên giáp, như năm 1029 "*Giáp Đăn Nãi ở Ái Châu làm phản... vua thân đi đánh giáp Đăn Nãi*" (51). Vào thời vua Lý Thái Tông, khi Uy Minh vương Lý Nhật Quang được cử làm Tri châu châu Nghệ An, ông đã cho nhân dân khai phá mở mang xây dựng và phát triển vùng đất này rồi lập hộ tịch, kê khai được 6 huyện, 4 trường, 60 *giáp* (52) như vừa nhắc ở trên. Như vậy, đơn vị Giáp cho đến thời Lý vẫn còn hiện tồn khá quen thuộc. Chỉ riêng một châu Nghệ An mới được mở mang thêm mà Lý Nhật Quang đã đặt được 60 giáp như vậy là rất đáng kể.

Sơ 2. Tổ chức chính quyền địa phương thời Lý



Đơn vị *thôn* cũng được nhắc đến vào thời Lý qua sự kiện Lê Phụng Hiếu đi đánh dẹp cuộc tranh giành địa giới của hai *thôn* Đàm Xá và Cổ Bi ở Châu Ái (53).

Tại những đơn vị hành chính các cấp của chính quyền địa phương, nhà Lý cũng đã đặt một hệ thống quan chức để giúp triều đình quản lý công việc ở đây.

Quan lại đứng đầu cấp phủ, lộ thời kỳ này là *Tri phủ*, *Phán phủ* (54). Đứng đầu cấp châu là *Tri châu*, có những châu ở xa (biên giới) nhà Lý đều đặt chức *Quan mục*, thường dùng những hào trưởng (hay tù trưởng-TG) tại địa phương để giữ những chức đó (55). Những châu có địa thế quan yếu như châu Nghệ An, vua Lý đã cử tôn thất nhà Lý đến để trấn trị, như dưới thời vua Lý Thái Tông, triều đình đã cử Uy Minh vương Lý Nhật Quang làm Tri châu (56) coi giữ châu đó trong suốt 16 năm. Đối với những miền biên viễn xa triều đình, một mặt nhà Lý đã dùng chính sách *Ki mi*

để ràng buộc và một mặt dùng các tù trưởng người địa phương theo chế độ thế tập để cai quan. Vào thời kỳ này, ở châu Qui Hoá và Chân Đăng có họ Lê, ở châu Lạng có họ Thân, ở châu Vị Long có họ Hà, ở châu Phú Lương có họ Dương, châu Quảng Nguyên có họ Nùng... Chính sách của nhà Lý là cho phép họ thực sự được quản lý vùng đất của mình theo chế độ thế tập nhưng phải thần phục triều đình và phải giữ chế độ cống phú đều đặn.

Ở cấp huyện, như đã nói ở trên là có chức Huyện lệnh. Tại hương không thấy có tài liệu ghi chép, song có lẽ chức quan làm việc tại đây cũng tương đương với chức quan ở cấp huyện. Còn chức quan quản lý cấp giáp có lẽ là Quản giáp và Chủ đô. Những viên quan này kiêm thêm cả nhiệm vụ thu thuế. Vì vào thời Lý, khi triều đình giao cho quan lại đi thu thuế Hoàn châu, nhà nước đã cho phép những viên Quản giáp và Chủ đô được cùng với người thu thuế, ngoài 10 phần phải nộp vào nhà nước, họ được lấy 1 phần, nếu không làm đúng thì bị xử tội. Sách *Đại việt sử ký toàn thư* ghi: "Nếu Quản giáp, Chủ đô và người thu thuế thông đồng nhau thu quá lệ, tuy xảy ra đã lâu nhưng không có người tố cáo thì Quản giáp, Chủ đô và người thu thuế cũng phải tội như nhau". Chính sử còn ghi cả những việc các viên Quản giáp ở các nơi

dâng sản vật địa phương lên vua, như vào năm 1130, "Quản giáp nội tác là Chu Thuỷ dâng cá diếc vàng" và tiếp đó "Quản giáp Phù Thu Liễu là Phi Nguyên dâng chim trắng"... Những viên Quản giáp và Chủ đô này phải chăng là các chức quan cai quản tại đơn vị hành chính cấp giáp giống như chức Quản giáp dưới thời họ Khúc vậy.

Nhìn lại toàn bộ thiết chế bộ máy chính quyền nhà nước thời Lý, chúng ta có thể thấy được bước tiến đáng kể của vương triều Lý trong việc củng cố, xây dựng và kiện toàn hệ thống chính trị trong bối cảnh đất nước ổn định về mọi mặt ở các thế kỷ XI - XII. Đây là đóng góp đáng kể của nhà Lý sau đóng góp to lớn có ý nghĩa lịch sử trọng đại là việc dời chuyển Kinh đô và kiến lập Kinh thành Thăng Long. Tuy bộ máy chính quyền nhà nước được xây dựng dưới thời Lý so với các thời kỳ sau (Trần và Lê Sơ) chưa được kiện toàn đầy đủ, song với thể chế nhà nước như vậy cũng đã đủ giúp nhà Lý quản lý và xây dựng được một đất nước có nền kinh tế và quốc phòng vững mạnh, tạo tiền đề cho việc đẩy lùi những nạn ngoại xâm lớn đe dọa tới vận mệnh dân tộc như quân Tống ở phía Bắc, quân Chiêm ở phía Nam và tạo tiền đề cho nhà Lý xây dựng được một nền văn hóa Thăng Long mang đậm dấu ấn của lịch sử.

CHÚ THÍCH

(1). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, bản dịch, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961, tr. 23.

(2). *Đại việt sử ký toàn thư*, bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983, tập I, quyển III, tr. 315.

(3). *Đại việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, quyển II, tr. 295.

Việt sử thông giám cương mục, chính biên, tập I, quyển III, bản dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 360.

(4). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sđd, tr. 23.

(5). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sđd, tr. 23.

- (6). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sdd, tr. 19.
- (7). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển I, tập I, sdd, tr. 239.
- Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sdd, tr. 20.
- (8). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sdd, tr. 20.
- (9). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển III, tập I, sdd, tr. 299.
- Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển IV, sdd, tr. 367.
- (10). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển II, tập I, sdd, tr. 280.
- Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển III, sdd, tr. 349.
- Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nhân vật chí, tập I, bản dịch, Nxb. Sử học, 1961, tr. 182.
- (11). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển IV, tập I, sdd, tr. 344.
- Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nhân vật chí, tập I, sdd, tr. 183.
- (12). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sdd, tr. 19.
- (13). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sdd, tr. 21.
- (14). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sdd, tr. 7.
- (15). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sdd, tr. 21.
- (16). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển I, tập I, sdd, tr. 239.
- (17). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển II, tập I, sdd, tr. 256- 257.
- (18). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sdd, tr. 21.
- (19). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sdd, tr. 6.
- (20). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển III, tập I, sdd, tr. 303.
- (21). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển III, tập I, sdd, tr. 309.
- Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển IV, sdd, tr. 374.
- (22). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sdd, tr. 22.
- (23). *Thơ văn Lý - Trần*. Bản dịch của Viện Văn học, Hà Nội, 1977, tập I, tr. 395, 402 và 411.
- (24). *Thơ văn Lý- Trần*, tập I, sdd, tr. 335.
- (25). *Thơ văn Lý- Trần*, tập I, sdd, tr. 521.
- (26). *Thơ văn Lý- Trần*, tập I, sdd, tr. 525.
- (27). *Thái úy Đỗ Anh Vũ sau được đổi làm họ Lý nên mới gọi là Thái úy Lý công*.
- (28). *Thơ văn Lý - Trần*, tập I, sdd, tr. 468.
- (29). Bốn học trò của Khổng Tử được thờ phụ với thầy ở Văn Miếu là Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư và Mạnh Tử .
- (30). 72 học trò giỏi của Khổng Tử.
- (31). *Đại việt sử ký toàn-thư*, quyển III, tập I, sdd, tr. 287.
- Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, tập I, quyển III, sdd, tr. 345.
- (32). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển II, tập I, sdd, tr. 242.
- Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, quyển II, tập I, sdd, tr. 286.
- (33). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển II, tập I, sdd, tr.243.

Việt sử thông giám cương mục, chính biên, quyển II, tập I, sdd, tr. 287.

(34). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển II, tập I, sdd, tr. 246.

Việt sử thông giám cương mục, chính biên, quyển II, tập I, sdd, tr. 292

(35). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển II, tập I, sdd, tr. 250.

Việt sử thông giám cương mục, chính biên, quyển II, tập I, sdd, tr. 297.

(36). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển II, tập I, sdd, tr. 265.

Việt sử thông giám cương mục, chính biên, quyển II, tập I, sdd, tr. 313.

(37). *Thơ văn Lý - Trần*, tập I, sdd, tr. 374-375.

(38). *Thơ văn Lý - Trần*, tập I, sdd, tr. 375.

(39). Lý Tế Xuyên. *Việt điện u linh*, Bản dịch. Nxb. Văn học, Hà nội, 1972, tr. 53.

(40). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển II, tập I, sdd, tr. 243.

(41). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển II, tập I, sdd, tr. 253-254.

(42), (43). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển III, tập I, sdd, tr. 286, 318.

(44). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển III, tập I, sdd, tr. 322.

(45). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển IV, tập I, sdd, tr. 356.

(46). *Việt sử lược*, bản dịch, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1960, tr. 65.

(47). *Việt sử lược*, sdd, tr. 69.

(48). *Ngụy việt ngoại kỷ* dẫn theo sách *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I, Nxb. Giáo dục 1960 của Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, tr. 202-203.

(49). Cao Hùng Trưng *An Nam chí nguyên*, q. I (mục phố phường, ngoại thành, hương trấn), Bản dịch đánh máy, Viện Sử học, tr. 81.

(50). *Đại nam nhất thống chí*, bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 56.

(51), (53). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển II, tập I, sdd, tr. 259, 253.

(52). Lý Tế Xuyên. *Việt điện u linh*, sdd, tr. 53.

(54). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sdd, tr. 7 và 30.

(55). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập II, sdd, tr. 7 và 31.

(56). *Việt sử lược*, sdd, tr.84.

(57). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển II, tập I, sdd, tr. 271.

(58). *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển III, tập I, sdd, tr. 321.